

Số: /TTr-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH**Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023 tại Nghị quyết số 89/2023/QH15 ngày 02/6/2023 của Quốc hội; Quyết định số 805/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023 và các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 và quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật; Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (Dự án Luật) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua năm 2006 (Luật số 68/2006/QH11) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2007 là văn bản pháp luật quan trọng, điều chỉnh các quan hệ liên quan đến tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Luật được xây dựng và ban hành trong bối cảnh Việt Nam đàm phán, gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), yêu cầu Việt Nam phải hoàn thiện khung pháp lý về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đánh giá sự phù hợp, tăng cường tính minh bạch trong hoạt động xây dựng, thẩm định, công bố, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp, loại bỏ rào cản kỹ thuật thương mại không cần thiết, thúc đẩy thuận lợi hoá thương mại toàn cầu.

Qua thực tiễn hơn 15 năm thi hành, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật đã đưa hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được nâng lên cả chất và lượng; phân công thẩm quyền, trách nhiệm và sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức minh bạch, phù hợp với quy định WTO và thông lệ quốc tế, góp phần thúc đẩy nâng cao năng suất chất lượng, năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa chủ lực của Việt Nam.

Tuy nhiên, Đảng ta đã ban hành nhiều văn bản, nghị quyết thể chế hóa chủ trương, chỉ đạo mới đối với lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội bền vững, tăng cường hội nhập quốc tế; đồng thời, thực tiễn thi hành luật thời gian qua cho thấy Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật đã phát sinh một số hạn chế, bất cập, đòi hỏi phải sửa đổi để phù hợp với các

cam kết trong FTA thế hệ mới, đáp ứng yêu cầu khách quan của thực tiễn sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, phát triển kinh tế xã hội bền vững, cụ thể như sau:

1. Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước

Trong bối cảnh Việt Nam mở cửa thị trường, hội nhập quốc tế sâu rộng, dẫn đến hoạt động kinh tế đi vào chiều sâu, thực chất hơn, doanh nghiệp xuất khẩu ngày càng đối mặt với nhiều quy định, yêu cầu nghiêm ngặt về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại các thị trường nước ngoài. Bên cạnh đó, với chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; chủ động đổi mới sáng tạo, tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia; vị trí, vai trò của công tác tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được cụ thể hoá thông qua các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã đề ra một trong những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện thể chế về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật là *“Hoàn thiện thể chế để phát triển đồng bộ, vận hành thông suốt các thị trường, trong đó xây dựng và thực hiện các tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm và môi trường phù hợp với yêu cầu trong nước và cam kết quốc tế, bảo vệ hợp lý thị trường trong nước, không để bị nước ngoài thâm tóm, thao túng”*.

b) Nghị quyết số 38-2017/NQ-CP ngày 25/4/2017 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới cũng đề ra nhiệm vụ *“Rà soát bổ sung và hoàn thiện các văn bản pháp luật để bảo đảm sự tương thích giữa quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam với các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, đặc biệt về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, đánh giá phù hợp...”*.

c) Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 đã xác định nhiệm vụ *“Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công bố hợp chuẩn, công bố quy trình đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo hướng nâng cao tính tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp về chất lượng sản phẩm; tăng cường công tác hậu kiểm”*.

d) Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo, trong đó Chính phủ giao cho Bộ Khoa học và Công nghệ *“Chủ trì nghiên cứu đề xuất sửa đổi các luật quản lý chuyên ngành đối với sản phẩm, hàng hóa để đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính và cam kết tại các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”* và tại Phụ lục của Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP đã chỉ rõ trách nhiệm

của Bộ Khoa học và Công nghệ cần phải sửa đổi, bổ sung Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

e) Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã thể hiện những tác động tích cực, chủ động của Việt Nam tham gia vào cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Theo đó, lĩnh vực khoa học và công nghệ được coi như một yếu tố nền tảng *“phát triển mạnh mẽ kinh tế số; phát triển nhanh và bền vững dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao”*. Một trong số những chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghệ lần thứ 4 là Chính sách phát triển và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia, trong đó có nội dung: *“Ban hành hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia làm nền tảng cho việc ứng dụng và phát triển các công nghệ cốt lõi của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong sản xuất và đời sống. Tạo lập đồng bộ và kịp thời khung pháp lý và hệ thống các chính sách để triển khai và phát triển các công nghệ mới. Xây dựng và triển khai các chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu và ứng dụng đổi số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức công nghệ, thực hiện chuyên cạnh tranh của nền kinh tế”*. *“Thực hiện định danh, công nhận, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với các sản phẩm, công nghệ, mô hình kinh doanh mới”*.

f) Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về phát triển bền vững đã đề ra nhiệm vụ *“Ban hành hệ thống tiêu chuẩn quốc gia để tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động ứng dụng và phát triển các công nghệ cao, công nghệ chủ chốt, phù hợp với yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Hoàn thành xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường tương đương với các nước tiên tiến trên thế giới để đảm bảo yêu cầu hội nhập quốc tế”*.

g) Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2022, trong phần nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cũng xác định nội dung đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế: tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số. Theo đó, một trong số giải pháp cụ thể là: *“Thực hiện thực chế, hiệu quả hơn cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh... Tiếp tục xây dựng, triển khai hiệu quả, có trọng điểm các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia về phát triển tài sản trí tuệ, sản phẩm quốc gia, công nghệ cao, thị trường khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ quốc gia, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa...”*.

h) Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022 cũng đã giao cho Bộ Khoa học và Công nghệ những nhiệm vụ quan trọng trong đó có nhiệm vụ: *“Xây dựng và phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI), nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế về tiêu chuẩn, đo*

lượng, chất lượng”, “Nghiên cứu, tổng kết, đánh giá việc thực hiện Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Luật Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định đảm bảo áp dụng đầy đủ nguyên tắc khoa học về quản lý rủi ro theo thông lệ quốc tế”.

i) Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025. Theo đó, trong nhiệm vụ, giải pháp phát triển các loại thị trường, nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng nguồn lực thì phát triển thị trường khoa học công nghệ cũng là một trọng tâm, trong đó có những nhiệm vụ trực tiếp liên quan đến công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng: *“Mở rộng và nâng cao hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn phù hợp với thông lệ quốc tế”; “Xây dựng và phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia, nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế về tiêu chuẩn đo lường chất lượng”.*

j) Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: trong nhiệm vụ đổi mới tư duy, nhận thức và hành động quyết liệt, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước có nội dung: *“Xác định nội dung cốt lõi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2021 - 2030 là thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo ra bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực và cả nền kinh tế”.*

Để thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về hoàn thiện thể chế trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, trước yêu cầu mới của thực tiễn, hội nhập quốc tế và nhằm khắc phục những tồn tại, bất cập đặt ra trong quá trình thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, việc xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật trên cơ sở phát huy ưu điểm và khắc phục các hạn chế của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật là rất cần thiết.

2. Các vấn đề đặt ra trong việc triển khai thi hành các cam kết về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật theo các điều ước quốc tế

Cùng với quá trình mở cửa nền kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài, Việt Nam đã tham gia, ký kết nhiều điều ước quốc tế liên quan tới hoạt động tiêu chuẩn chất lượng như Hiệp định về Hàng rào kỹ thuật trong Thương mại (WTO/TBT), Công ước quốc tế về các quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR). Bên cạnh đó, gần đây, Việt Nam đã ký kết nhiều FTA thế hệ mới như FTA Việt Nam - Hàn Quốc (*Hiệp định VKFTA, hiệu lực từ ngày 20/12/2015*); FTA giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á-Âu (*Hiệp định VN - EAEU FTA, hiệu lực từ ngày 5/10/2016*), kể cả các FTA thế hệ mới như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (*Hiệp định CPTPP, có hiệu lực với Việt Nam từ ngày 14/01/2019*), FTA giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (*Hiệp định EVFTA, hiệu lực từ ngày 01/8/2020*).

Ngày 12/11/2018, Quốc hội Việt Nam đã phê chuẩn Hiệp định CPTPP theo Nghị quyết số 72/2018/QH14. Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 24/01/2019 phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP, trong đó, Điều b Điều 3 Mục II Những nhiệm vụ chủ yếu liên quan đến công tác xây dựng pháp luật, thể chế giao nhiệm vụ sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật và trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt ban hành theo đúng với lộ trình đã quy định của Hiệp định CPTPP, theo đó, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật phải được sửa đổi, bổ sung để thực hiện một số nghĩa vụ về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Chương 8) quy định trong Hiệp định CPTPP như: về quy trình đánh giá sự phù hợp quy định các nước thành viên không được đối xử phân biệt giữa các tổ chức đánh giá sự phù hợp đặt trụ sở tại các nước CPTPP với các tổ chức đặt trụ sở tại lãnh thổ nước mình, không được yêu cầu các tổ chức đánh giá sự phù hợp phải đặt trụ sở hay đặt văn phòng đại diện trên lãnh thổ nước mình.

Việt Nam cũng đã ký kết Hiệp định EVFTA với Liên minh châu Âu ngày 30/6/2019. Ngày 06/8/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1201/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định EVFTA. Các nghĩa vụ liên quan đến lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật phải thi hành trong Hiệp định EVFTA (Chương 5) theo đó, Hiệp định này quy định Điều 5.7 về Minh bạch hóa theo đó, một số nghĩa vụ như: đảm bảo các chủ thể kinh tế và những người quan tâm khác của nước thành viên được phép tham gia vào các tham vấn công khai chính thức liên quan đến quá trình xây dựng quy chuẩn kỹ thuật, với các điều kiện không kém thuận lợi hơn dành cho các pháp nhân hoặc thể nhân của Việt Nam; trong trường hợp thực hiện đánh giá tác động, thông báo cho Bên kia, khi có yêu cầu, kết quả của việc đánh giá tác động của dự thảo quy chuẩn kỹ thuật...

Ngày 06/7/2021 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 18/NQ-CP về việc phê duyệt Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (Hiệp định RCEP). Các nghĩa vụ liên quan đến lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật phải thi hành trong Hiệp định RCEP (Chương 6 Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại) đã quy định về minh bạch hóa. Nội dung của nghĩa vụ này yêu cầu các bên thừa nhận tầm quan trọng của tính minh bạch liên quan đến việc xây dựng, ban hành và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp như: tham vấn công khai, đảm bảo rằng các bên quan tâm của bên kia được phép tham gia vào các tham vấn công khai chính thức liên quan đến quá trình xây dựng, đánh giá tác động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp...

Các quy định và nghĩa vụ trong các Hiệp định FTA trên không thuộc nhóm quy định được áp dụng trực tiếp và phải thực hiện nội luật hoá. Do vậy, cần phải được xem xét đưa vào nội dung sửa đổi, bổ sung của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006 để phù hợp với các điều ước mà Việt Nam đã ký kết.

3. Các bất cập trong thực tiễn thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật

1.1. Về hội nhập quốc tế và yêu cầu minh bạch hoá

Cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng trong khuôn khổ WTO, APEC, ASEAN..., thời gian qua Việt Nam đã ký kết các FTA thế hệ mới (EVFTA, CPTPP, RCEP...) với các quy định, cam kết sâu, mở rộng hơn trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Trong các FTA thế hệ mới đều có điều khoản quy định về nghĩa vụ minh bạch hóa liên quan đến xây dựng, công bố, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp nhằm loại bỏ rào cản kỹ thuật trong thương mại. Luật TC&QCKT đã đưa ra các nguyên tắc chung về xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hợp tác quốc tế, đồng thời, các điều khác của Luật TC&QCKT đã lồng ghép các quy định, cam kết về minh bạch hóa, hoạt động thông báo, hỏi đáp về quá trình xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp. Tuy nhiên, các quy định này ở mức cơ bản, chỉ phù hợp tại thời điểm năm 2007 khi Việt Nam mới gia nhập WTO, khi quy mô hội nhập kinh tế quốc tế, năng lực tham gia chuỗi cung ứng, sản xuất quốc tế chưa sâu rộng như hiện nay. Vì vậy, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật không còn hoàn toàn phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế theo các FTA thế hệ mới với các cam kết mở hơn cho phép các tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia sâu vào hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; đồng thời, phải tuân thủ các yêu cầu cao hơn, chặt chẽ hơn về tính công khai, minh bạch liên quan đến hoạt động xây dựng, ban hành, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp trong quá trình thúc đẩy thuận lợi hóa thương mại quốc tế, khu vực.

Về hợp tác quốc tế, Luật TC&QCKT quy định những nội dung mang tính nghĩa vụ, thụ động của Việt Nam khi hội nhập quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chưa phát huy tính chủ động, tích cực của Việt Nam tham gia vào hoạt động tiêu chuẩn quốc tế.

Nhìn chung, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật chưa quy định đầy đủ về nghĩa vụ minh bạch hóa của Việt Nam cũng như thẩm quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ thông báo, hỏi đáp hàng rào kỹ thuật trong thương mại (tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp), chưa tương xứng với mức độ cam kết minh bạch hóa của Việt Nam trong các FTA thế hệ mới, khi nội dung này trong các Hiệp định được quy định trong một điều riêng biệt, thể hiện tầm quan trọng vấn đề này.

1.2. Về xã hội hoá hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn

Trong tình hình kinh tế, xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu thị trường áp dụng tiêu chuẩn trên nhiều lĩnh vực ngày càng đa dạng, tăng cao. Trong khi đó, hiện nay, nguồn lực xây dựng TCVN chủ yếu tập trung vào các cơ quan, ngân sách nhà nước nên số lượng, tính đa dạng của TCVN được công bố hàng năm không đáp ứng đầy đủ nhu cầu thị trường, tổ chức, doanh nghiệp. Kinh nghiệm của các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, các quốc gia phát triển và thực tiễn của Việt Nam cho thấy, việc xây dựng tiêu chuẩn phải tôn trọng, ưu tiên nhu cầu thị trường, như vậy mới đáp ứng được yêu cầu về quản lý, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp; nếu không tập trung vào thị trường, thì các tiêu chuẩn được công bố, áp dụng sẽ không hiệu quả, gây lãng phí nguồn lực của nhà nước và doanh nghiệp. Hơn ai hết, chính doanh nghiệp là hạt nhân của hoạt động tiêu

chuẩn hoá, trực tiếp sản xuất kinh doanh, thấu hiểu nhu cầu thị trường, mong muốn của khách hàng. Việc xây dựng tiêu chuẩn phải có sự tham gia, xây dựng đầy đủ của các bên liên quan mà trong đó đặc biệt là từ phía doanh nghiệp.

1.3. Về hoạt động đánh giá sự phù hợp

Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật là văn bản nền tảng, cơ sở tiên quyết cho hoạt động đánh giá sự phù hợp (thử nghiệm, chứng nhận, giám định). Tuy nhiên, hiện nay, quy định về khái niệm, nguyên tắc chung, quyền và nghĩa vụ của tổ chức đánh giá sự phù hợp giữa Luật TC&QCKT và Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa chưa thống nhất, gây bất cập, khó khăn cho hoạt động quản lý nhà nước, hoạt động của các tổ chức đánh giá sự phù hợp và doanh nghiệp. Ngoài ra, theo cam kết tại các FTA thế hệ mới, hiện nay một số quy định trong Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật đã không còn phù hợp với thông lệ quốc tế, đó là quy định hoạt động cung cấp dịch vụ xuyên biên giới (không cần sự hiện diện pháp nhân của các tổ chức chứng nhận nước ngoài tại Việt Nam), ví dụ: Khoản 1, khoản 2 Điều 8.6 Hiệp định CPTPP (quy định bắt buộc) và Điều 6.4 của Hiệp định WTO/TBT (khuyến khích áp dụng).

Hoạt động công nhận tại Việt Nam dù đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên, hoạt động công nhận hiện nay tương đối tách biệt, chỉ tập trung vào khía cạnh kinh tế, chưa thống nhất một chương trình đánh giá đồng bộ, sự phối hợp, thừa nhận kết quả của nhau rất hạn chế, gây tốn kém cho doanh nghiệp, lãng phí nguồn lực xã hội, chưa đảm bảo tính thống nhất quản lý nhà nước. Một số đối tượng hàng hóa, dịch vụ, môi trường đánh giá sự phù hợp có nguy cơ gây mất an toàn, an ninh cao nếu không được các tổ chức chứng nhận, thử nghiệm, giám định có năng lực, chất lượng tốt thực hiện, sẽ gây ra những ảnh hưởng lớn đến kinh tế xã hội, tài sản, tính mạng người dân. Hơn nữa, theo xu hướng thế giới, hiện nay hoạt động công nhận mở rộng phạm vi hoạt động bao gồm cả công nhận cho tổ chức chứng nhận năng lực cá nhân, tổ chức sản xuất mẫu chuẩn, phòng xét nghiệm y tế, tổ chức có hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, tổ chức có hoạt động kiểm tra xác nhận... là những hoạt động đã bắt đầu xuất hiện tại Việt Nam, nhưng Luật TC&QCKT chưa có quy định điều chỉnh.

1.4. Về nguyên tắc, đối tượng, căn cứ, trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố, ban hành TCVN, QCVN, QCĐP; hoạt động xây dựng, quản lý tiêu chuẩn cơ sở

Thứ nhất, về quy trình xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn, ban hành quy chuẩn kỹ thuật

Một số quy định trong Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật điều chỉnh hoạt động xây dựng, thẩm định, công bố TCVN, ban hành quy chuẩn kỹ thuật đã không còn phù hợp với thực tiễn như: chưa có quy định về đánh giá tác động khi xây dựng QCVN khiến một số QCVN sau khi ban hành không phù hợp trong thực tiễn áp dụng, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; chưa có quy định về trình tự, thủ tục rút gọn khi xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn, ban hành quy chuẩn kỹ thuật trong trường hợp khẩn cấp vì an toàn, thiên tai, dịch bệnh; chưa có quy định về việc áp dụng các TCVN đã bị bãi bỏ; chưa có quy định việc đính chính nội dung TCVN...

Mặt khác, hoạt động xây dựng, ban hành, áp dụng quy chuẩn địa phương (QCĐP) thời gian qua phát triển mạnh, do yêu cầu thực tiễn tại các địa phương cần phải tăng cường quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm soát ô nhiễm môi trường, quy hoạch đô thị..., đặc biệt tại các thành phố lớn, khu công nghiệp tập trung. Nhưng quy định trong Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật hướng dẫn QCĐP lại khá chung chung, chưa cụ thể, không đáp ứng được yêu cầu thực tiễn xây dựng, áp dụng QCĐP tại địa phương. Vì vậy, các địa phương còn lúng túng khi tiến hành xây dựng, thẩm định, áp dụng QCĐP trong thực tế hiện nay, đặc biệt là đối với các QCĐP có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực.

Thứ hai, về đối tượng của QCVN thuộc bí mật nhà nước

Hiện nay, Luật TC&QCKT chưa có quy định cụ thể về việc xây dựng QCVN cho đối tượng thuộc bí mật nhà nước, tạo ra những cách hiểu, diễn giải chưa thống nhất với quy định tại Luật Dự trữ quốc gia. Theo khoản 4 Điều 14 Luật Dự trữ quốc gia, Bộ Tài chính có trách nhiệm “Chủ trì, phối hợp với bộ ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia” (không giới hạn đối tượng hàng dự trữ quốc gia thuộc bí mật nhà nước). Các quy định nêu trên đã dẫn đến vướng mắc, khó khăn khi quá trình thẩm định QCVN theo quy định tại Luật TC&QCKT phải đảm bảo thủ tục xây dựng công khai lấy ý kiến các bên liên quan, trong khi các mặt hàng dự trữ quốc gia thuộc đối tượng bí mật nhà nước dùng để phục vụ cho quốc phòng, an ninh lại không thể tuân thủ theo quy định, thủ tục lấy ý kiến rộng rãi tất cả các bên liên quan theo Luật TC&QCKT.

Thứ ba, quản lý nhà nước về tiêu chuẩn cơ sở

Về bản chất hoạt động xây dựng tiêu chuẩn của cơ quan nhà nước thể hiện tính quyền lực, phục vụ công ích, áp dụng trên phạm vi rộng, phù hợp với việc xây dựng, áp dụng TCVN hơn. Theo quy định của Luật TC&QCKT, tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) được xây dựng và chỉ áp dụng trong giới hạn phạm vi hoạt động của tổ chức công bố TCCS, nên không phù hợp với hoạt động quản lý nhà nước. Tuy nhiên, trong thực tiễn quy định này đã làm phát sinh một số trường hợp lách luật khi cơ quan quản lý dùng nguồn kinh phí phục vụ quản lý nhà nước từ ngân sách nhà nước để xây dựng, công bố TCCS (theo quy định pháp luật chỉ được áp dụng giới hạn trong phạm vi của cơ quan nhà nước đó, nhưng thực tế lại áp dụng cho các tổ chức, cá nhân liên quan trên phạm vi toàn quốc), gây lãng phí, không đảm bảo hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước.

Bên cạnh đó, thực tiễn hiện nay, một số tổ chức, doanh nghiệp xây dựng TCCS mang tính chất đối phó, không đi vào thực chất của tiêu chuẩn là nhằm nâng cao năng suất chất lượng, đảm bảo chất lượng, an toàn. Quy định, cơ chế quản lý TCCS hiện nay rất mở, tổ chức, doanh nghiệp chỉ cần công bố tiêu chuẩn áp dụng thông qua hình thức ghi số hiệu tiêu chuẩn hoặc các đặc tính cơ bản trên nhãn, bao gói sản phẩm hàng hóa, hoặc trong các tài liệu giao dịch liên quan. Vì vậy, công tác quản lý nhà nước gặp nhiều khó khăn trong việc thống kê, cập nhật thông tin, số liệu về TCCS; bất cập, hạn chế trong công tác hậu kiểm chất lượng, truy xuất nguồn gốc, xử lý vi phạm về chất lượng liên quan tới TCCS, ảnh hưởng tới quyền lợi người tiêu dùng, phát triển thị trường lành mạnh.

1.5 Về tiếp cận thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và trong hoạt động quản lý, khai thác tiêu chuẩn

Quy định hiện nay về thẩm quyền xuất bản, phát hành TCVN (Khoản 1 Điều 21) đang tạo ra cách hiểu chưa thống nhất, dẫn đến bất cập, hạn chế trong tiếp cận thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chưa có sự phối hợp hiệu quả giữa Bộ Khoa học và Công nghệ với các bộ, ngành, tổ chức, cá nhân liên quan trong hoạt động xuất bản, phát hành TCVN. Ngoài ra, việc chưa có cơ sở dữ liệu đầy đủ về tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn cơ sở khiến việc tra cứu, áp dụng tiêu chuẩn đối với các đối tượng có nhu cầu như doanh nghiệp, người dân gặp khó khăn. Để nắm được thông tin về các tiêu chuẩn cho các sản phẩm, hàng hóa, quy trình... theo mong muốn, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thường xuyên phải liên hệ với cơ quan nhà nước về tiêu chuẩn hoặc qua công ty cung cấp dịch vụ để được đáp ứng nhu cầu.

Do vậy, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật cần phải được sửa đổi, bổ sung để tạo thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

1.6 Về tổ chức, hoạt động của ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia, sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương và nhân lực hoạt động trong hoạt động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

Thứ nhất, về tổ chức, hoạt động của Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia

Các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, khu vực, quốc gia đều xác định Ban kỹ thuật là trung tâm của hoạt động xây dựng tiêu chuẩn, là tổ chức kỹ thuật quy tụ các chuyên gia hàng đầu trong từng lĩnh vực tiêu chuẩn cụ thể. Theo quy định, các FTA thế hệ mới yêu cầu các thành viên ký kết phải cho phép các tổ chức, chuyên gia nước ngoài được trực tiếp tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (Điều 8.7 Hiệp định CPTPP quy định bắt buộc và Hiệp định WTO/TBT khuyến khích áp dụng). Tuy nhiên, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật chưa quy định thành viên ban kỹ thuật là chuyên gia nước ngoài. Trong thực tiễn hiện nay, nhu cầu của các doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp FDI cử chuyên gia nước ngoài tham gia ban kỹ thuật TCVN là rất lớn. Bên cạnh đó, mặc dù hiện nay hàng hóa Việt Nam đã xuất khẩu đến hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, nhưng Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật chưa có quy định, chính sách thúc đẩy tham gia các ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế (ISO, IEC, ITU, Codex...). Đây là hoạt động cần đẩy mạnh, thể hiện tính chủ động hội nhập quốc tế, loại bỏ rào cản kỹ thuật đối với hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam, phù hợp chủ chương, chính sách của Đảng, Chính phủ.

Thứ hai, về công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

Bộ KH&CN với vai trò là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Bộ KH&CN đã chủ động xây dựng các chương trình quốc gia, kế hoạch, định hướng phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia; hướng dẫn, hỗ trợ cho các bộ, ngành rà soát, sửa đổi, xây dựng mới các TC&QCKT do các bộ, ngành quản lý không bị chồng chéo, đảm bảo tính

đồng bộ, thống nhất, đáp ứng yêu cầu quản lý, phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, người dân.

Tuy nhiên, trên thực tế, công tác phối hợp này còn gặp những khó khăn, vướng mắc nhất định, chủ yếu xuất phát từ sự phối hợp của các cơ quan liên quan hoặc thiếu quy định pháp luật hướng dẫn cụ thể, trong đó, có sự hạn chế về nguồn lực tài chính cho hoạt động xây dựng, thanh tra, kiểm tra hoạt động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và phối hợp trong hoạt động thông báo hỏi đáp tới tổ chức quốc tế và cảnh báo kịp thời cho hiệp hội, doanh nghiệp trong nước.

Thứ ba, về nhân lực hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

Hiện nay, đội ngũ chuyên gia trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại các địa phương trong một số lĩnh vực còn yếu, chưa được đào tạo chuyên sâu, trang thiết bị, cơ sở vật chất chưa đáp ứng đầy đủ để thực hiện các hoạt động về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Luật TC&QCKT còn thiếu các chính sách thiết thực trong việc tập trung đầu tư phát triển nhân lực tiêu chuẩn hóa đạt trình độ quốc tế; áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi đặc biệt để đào tạo, thu hút, sử dụng hiệu quả nhân lực về tiêu chuẩn trong nước và ngoài nước, nhất là lực lượng tài năng trẻ trong hoạt động nghiên cứu, xây dựng, triển khai áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; thiếu các chính sách đào tạo về tiêu chuẩn ngay trong trường đại học, trường dạy nghề như kinh nghiệm của một số quốc gia trong khu vực.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Mục đích

- Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Bảo đảm hệ thống tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật phục vụ hiệu quả quản lý nhà nước, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; bảo đảm an toàn, vệ sinh, sức khỏe con người; bảo vệ động vật, thực vật, môi trường; bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia, quyền lợi của người tiêu dùng theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013.

- Nâng cao tính khả thi của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Tiếp thu, nội luật hóa các cam kết quốc tế, bảo đảm sự tương thích giữa quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam với các FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp, đặc biệt là các quy định liên quan đến minh bạch hóa, giảm thiểu các rào cản kỹ thuật trong thương mại, thuận lợi hóa thương mại.

2. Quan điểm chỉ đạo

Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (sửa đổi) được xây dựng dựa trên các quan điểm chỉ đạo sau đây:

- *Thứ nhất*, thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng về việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh. Nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam.

- *Thứ hai*, xây dựng khung pháp lý nhằm triển khai hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp, đảm bảo sự thống nhất trong việc áp dụng pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp, góp phần tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người tiêu dùng.

- *Thứ ba*, bảo đảm tính khả thi khi áp dụng trên thực tiễn và sự đồng bộ của hệ thống pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp.

- *Thứ tư*, nội luật hóa các quy định tại các cam kết quốc tế của Việt Nam trong FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp theo tinh thần của Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương về “Thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

Ngày 02/6/2023, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 89/2023/QH15 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, trong đó, dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV.

Ngày 06/7/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 805/QĐ-TTg về Phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023 và các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 đã giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì soạn thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, trình Chính phủ vào tháng 01/2024.

Ngày 15/8/2023, Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (Quyết định số 1793/QĐ-BKH-CN) xây dựng hồ sơ dự án Luật theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Hồ sơ dự án Luật đã được gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Khoa học và Công nghệ để lấy ý kiến nhân dân. Các ý kiến đóng góp đã được Ban soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật.

Ngày 13/12/2023, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Công văn số 4762/BKH-CN-TĐC gửi Bộ Tư pháp thẩm định Hồ sơ dự án Luật.

Ngày 09/01/2024, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo số 11/BCTĐ-BTP thẩm định dự án Luật. Bộ Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để hoàn thiện dự án Luật và các tài liệu kèm theo trình Chính phủ.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN

1. Bố cục, phạm vi sửa đổi, bổ sung

Dự thảo Luật gồm có 03 điều và được bố cục như sau:

Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (trong điều này sửa đổi, bổ sung 25 điều của 05 chương (Chương I, II, III, IV, V), cụ thể là:

- Sửa đổi, bổ sung 20 điều: Điều 3, 7, 8, 11, 15, 17, 19, 20, 21, 27, 32, 35, 48, 50, 51, 53, 54, 57, 59, 60.

- Bổ sung 05 điều: Điều 8a, 8b, 8c, 51a, 51b.

- Thay thế một số từ, cụm từ tại một số điều, khoản, điểm; Bãi bỏ 08 điều (Điều 52, Điều 64, Điều 65, Điều 66, Điều 67, Điều 68, Điều 69, Điều 71), và một số khoản, điểm của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (điểm c khoản 1 Điều 27).

Điều 2: Bổ sung, thay thế, bỏ một số từ, cụm từ tại một số điều, khoản, điểm của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

Điều 3: Hiệu lực thi hành.

Sau khi sửa đổi, bổ sung thì Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật có 06 chương và 74 điều (giảm 01 chương và tăng 03 điều so với Luật hiện hành).

2. Nội dung cơ bản

2.1 Về phần Những quy định chung

2.1.1. Sửa đổi, bổ sung một số khái niệm tại Điều 3 Giải thích từ ngữ, cụ thể là các khái niệm “Hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn hóa”; “Đánh giá sự phù hợp”; “Thử nghiệm”; “Giám định”; “Xác nhận giá trị sử dụng”; “Kiểm tra xác nhận”; “Mẫu chuẩn”; “Thử nghiệm thành thạo”; “công nhận”; “Cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia”; “Tiêu chuẩn quốc gia”; “Tiêu chuẩn quốc tế”; “Tiêu chuẩn khu vực”; “Tiêu chuẩn cơ sở” đảm bảo các khái niệm trên thống nhất với các khái niệm, định nghĩa, giải thích trong Hiệp định WTO/TBT, các Hiệp định Thương mại tự do (FTA), tiêu chuẩn hoá quốc tế (ISO, IEC, ITU) đã được WTO công nhận tạo sự thông hiểu, thống nhất khái niệm giữa Luật của Việt Nam và quy định, thông lệ quốc tế nhằm thuận lợi hóa thương mại.

- Việc bổ sung quy định Cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia là cơ quan trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, có nhiệm vụ quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật là phù hợp với thực tiễn quản lý nhà nước và thông lệ quốc tế, cụ thể:

Hiện nay, Bộ Khoa học và Công nghệ đang thực hiện vai trò của cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia, đại diện của Việt Nam tham gia 14 tổ chức quốc tế, khu

vực về tiêu chuẩn hoặc có các hoạt động liên quan đến tiêu chuẩn, bao gồm: ISO, IEC, OIML, GS1, CGPM, WTO/TBT, ACCSQ/ASEAN, APEC/SCSC, APO, APQO, APMP, APLMF ASEM/TFAP-SCA và PASC. Tuy nhiên, việc xác định vị trí pháp lý của cơ quan tiêu chuẩn hoá quốc gia chưa được văn bản pháp luật nào ghi nhận (Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02/6/2023 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ chưa có quy định về vấn đề này). Do đó, việc bổ sung quy định cụ thể cơ quan tiêu chuẩn hóa không trái với Nghị quyết số 56/2017/QH14 về ngày 14/11/2017 của Quốc hội việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả do đây chỉ là quy định làm rõ chức năng, nhiệm vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ để phù hợp với thực tiễn hoạt động quản lý nhà nước, hợp tác quốc tế, không làm phát sinh tổ chức bộ máy mới.

Đồng thời, việc quy định cụ thể cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ tại dự thảo Luật nhằm triển khai hiệu quả các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới (Điều 8.5 Hiệp định CPTPP, Điều 5.5 Hiệp định EVFTA, Điều 6.5 & 6.6 Hiệp định RCEP có quy định liên quan đến cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia). Bên cạnh đó, điểm J Phụ lục 3 của Hiệp định TBT quy định “Ít nhất 6 tháng một lần, cơ quan tiêu chuẩn hóa sẽ công bố chương trình làm việc trong đó có tên và địa chỉ của cơ quan...”. Như vậy, tuy các Hiệp định này không yêu cầu cụ thể hóa tên cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia tại văn bản luật, nhưng việc quy định cụ thể cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ tại dự thảo Luật sẽ giúp làm rõ cơ quan đầu mối về tiêu chuẩn quốc gia, phù hợp thông lệ quốc tế, tạo thuận lợi liên hệ, hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn, các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài cũng biết rõ địa chỉ cơ quan cung cấp thông tin, giải đáp thắc mắc về hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, góp phần thúc đẩy thuận lợi hoá thương mại

Các quốc gia trên thế giới đều quy định về một cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia của mình là đại diện tham gia vào các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ví dụ: Trung Quốc (SAC), Hoa Kỳ (ANSI), Đức (DIN), Anh (BSI), Ấn Độ (BIS), Nhật Bản (JISC), Hàn Quốc (KAST)...) và các nước ASEAN cũng quy định tương tự (tại Thái Lan là Viện Tiêu chuẩn công nghiệp Thái Lan (TISI) thuộc Bộ Công nghiệp; tại Malaysia là Tổng cục Tiêu chuẩn Malaysia (DSM) thuộc Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường; tại Singapore là Cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia (Enterprise Singapore); tại Indonesia là Cơ quan tiêu chuẩn hoá quốc gia trực thuộc Chính phủ (BSN); tại Philippine là Cục Tiêu chuẩn Philippine thuộc Bộ Thương mại và Công nghiệp (BPS)), mặc dù, các quốc gia này có thể có nhiều tổ chức tiêu chuẩn hóa khác nhau, nhằm đảm bảo sự thống nhất hoạt động tiêu chuẩn theo định hướng của quốc gia, bảo vệ lợi ích quốc gia trong hoạt động tiêu chuẩn hóa quốc tế.

- Ngoài ra, Điều 3 Giải thích từ ngữ bổ sung khái niệm về “Hạ tầng chất lượng quốc gia là kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bao gồm tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp, công nhận, kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa để hỗ trợ và nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình và môi trường của một quốc gia”. Đây là khái niệm mới và hiện được các tổ chức quốc tế, các quốc gia trên thế giới quan tâm, đầu tư phát

triển. Hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI) được coi là nền tảng cơ bản của thương mại quốc tế, là tiền đề để các quốc gia trên thế giới, nhất là các quốc gia đang phát triển, tiếp cận thị trường quốc tế theo nguyên tắc hiện đại. Hiện nay, các nước đang phát triển trong khu vực rất quan tâm tới việc xây dựng Hạ tầng chất lượng quốc gia và nâng cao chỉ số Hạ tầng chất lượng quốc gia của mình. Khi một quốc gia có chỉ số Hạ tầng chất lượng quốc gia cao hơn quốc gia khác, đồng nghĩa, chất lượng sản phẩm hàng hoá của quốc gia đó sẽ cao hơn và thu được lợi nhuận khi xuất khẩu cao hơn các quốc gia khác (Ví dụ: so sánh chỉ số NQI năm 2021 của Singapore (xếp 31), Thái lan (xếp 34), Việt Nam (xếp 51), Campuchia (128)).

2.1.2. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 (về Chính sách của nhà nước về phát triển hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật):

- Bổ sung chính sách “Phát triển hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hạ tầng chất lượng quốc gia, đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, chương trình, đề án trọng điểm quốc gia và yêu cầu hội nhập quốc tế nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia”, hiện nay, tất cả các quốc gia trên thế giới đều nhận thức tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật là biện pháp kỹ thuật, công cụ đặc lực nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Do vậy, trong chiến lược phát triển của các quốc gia đều có nội dung về phát triển hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của mình, đặc biệt trong các năm gần đây, tiêu chuẩn liên quan đến kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, biến đổi khí hậu...được các quốc gia quan tâm xây dựng, triển khai áp dụng; đồng thời, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật là một câu phân của hạ tầng chất lượng quốc gia nên việc đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật với hạ tầng chất lượng quốc gia là cần thiết nhằm tránh sự chông chéo, thiếu đồng bộ khi phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia.

- Bổ sung chính sách “Tập trung nguồn lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nước và nước ngoài cho các tổ chức nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, hiệp hội, hội, doanh nghiệp triển khai nghiên cứu, đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp để xây dựng tiêu chuẩn quốc gia” nhằm đưa các kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học đi vào thực tiễn thông qua tiêu chuẩn áp dụng trong thực tế. Tại các quốc gia phát triển, các công trình, đề tài nghiên cứu tại các tập đoàn kinh tế, trường đại học, viện nghiên cứu...cho các sản phẩm đều được xem xét xây dựng thành tiêu chuẩn, để tạo lợi thế cạnh tranh cho chính sản phẩm của tập đoàn, doanh nghiệp trước đối thủ (sản phẩm công nghệ cao, dược phẩm,...).

- Bổ sung chính sách “nghiên cứu về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật phục vụ yêu cầu số hóa về tiêu chuẩn, định danh đơn nhất, mã hóa dữ liệu dạng ngôn ngữ máy có thể đọc, nhận dạng và thu thập dữ liệu liên quan đến các đối tượng quản lý trong chuỗi giá trị cung ứng” nhằm thúc đẩy ứng dụng công nghệ, giải pháp mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc, là một lĩnh vực mới đang được ứng dụng rộng rãi trong nền công nghiệp 4.0 và phát triển nhanh chóng trong mọi lĩnh vực của nền kinh tế số hiện nay (thương mại điện tử, kiểm soát chuỗi cung ứng, truy xuất nguồn gốc an toàn thực phẩm, phòng chống và xử lý hàng giả ...).

- Bổ sung các chính sách nhà nước nhằm phổ cập, đào tạo, bồi dưỡng lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho tất cả các đối tượng theo xu thế chung của các quốc gia trên thế giới khi các quốc gia (đặc biệt là các quốc gia trong khu vực: Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore...) đã đưa chương trình đào tạo tiêu chuẩn hoá vào các cấp học trong hệ thống giáo dục quốc gia (các trường đại học, dạy nghề).

- Bổ sung chính sách “Phát triển nền tảng số quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nhằm kết nối và chia sẻ giữa các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp và kết nối với các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, khu vực, nước ngoài.” đây là xu thế chung trong việc triển khai ứng dụng công nghệ số, nền tảng số, chính phủ điện tử của các quốc gia trên thế giới để các cơ quan quản lý nhà nước có thể phục vụ hiệu quả người dân, doanh nghiệp.

2.1.3 Sửa đổi, bổ sung Điều 8 (về hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật):

- Bổ sung quy định “Nhà nước hỗ trợ nguồn lực để các đại diện của Việt Nam tham gia vào ban kỹ thuật của các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế và khu vực”.

- Bổ sung quy định “Nhà nước tạo điều kiện xây dựng thành tiêu chuẩn quốc tế đối với các sản phẩm trọng điểm, ưu tiên, chủ lực, đặc thù của Việt Nam”.

- Bổ sung quy định “Nhà nước đảm bảo bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước đối với các hoạt động hợp tác, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo, tham gia các tổ chức tiêu chuẩn hoá quốc tế, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ là thành viên nhằm thúc đẩy thuận lợi hoá thương mại và hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua hàng rào kỹ thuật trong thương mại”.

Theo quy định pháp luật hiện nay Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan đại diện Việt Nam, phối hợp các bộ ngành tham gia các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế, khu vực (WTO/TBT, APEC/SCSC, ASEAN/ACCSQ, ISO, IEC, PACS...), triển khai rất nhiều nội dung thực hiện cam kết quốc tế về hài hòa tiêu chuẩn quốc tế, ký kết thực hiện các Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA) nhằm thúc đẩy thuận lợi hóa thương mại. Để tham gia các tổ chức tiêu chuẩn hoá quốc tế trên, hàng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ phải thực hiện đóng niên liễm để Việt Nam là thành viên của các tổ chức trên. Thực tế, hiện nay, Việt Nam không tham gia tích cực vào hoạt động xây dựng tiêu chuẩn quốc tế, đặc biệt là ngay cả khi xây dựng các tiêu chuẩn quốc tế có liên quan đến sản phẩm, hàng hoá chủ lực của Việt Nam với nguyên nhân chủ yếu do nguồn lực tài chính tham gia các cuộc họp quốc tế hạn chế. Điều này, có thể dẫn đến mất lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trước các quốc gia khác.

Do vậy, việc xác định nguồn kinh phí phục vụ hoạt động hợp tác quốc tế là hết sức cần thiết, đảm bảo sự tham gia đầy đủ của Việt Nam vào các tổ chức quốc tế lớn, thể hiện vai trò đóng góp tích cực của Việt Nam vào các hoạt động quốc tế, đồng thời sẽ giúp tăng cường năng lực kỹ thuật, hỗ trợ thuận lợi hóa thương mại, đặc biệt là đối với doanh nghiệp Việt Nam khi xuất khẩu hàng hoá ra thị trường thế giới, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực xuất khẩu của Việt Nam (gạo, cà phê, hải sản...).

2.1.4. Bổ sung Điều 8a về Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia: quy định, nội dung, nhiệm vụ của Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia làm cơ sở để định hướng hoạt động tiêu chuẩn hóa, phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia, đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất chất lượng, năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy hội nhập quốc tế.

Các quốc gia phát triển (Hoa Kỳ, Đức, Nhật Bản...) và các quốc gia trong khu vực như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Indonesia... đã xây dựng Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia của mình. Đặc biệt, Trung Quốc là quốc gia đã đạt được thành tựu to lớn khi xây dựng và triển khai có hiệu quả Chiến lược tiêu chuẩn hóa ngay sau khi gia nhập WTO khi nâng cao vị thế, cải tiến chất lượng, đưa sản phẩm Trung Quốc xuất khẩu ra toàn thế giới.

2.1.5. Bổ sung Điều 8c (về minh bạch hóa và hoạt động thông báo, hỏi đáp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp):

Hiện nay, các quy định liên quan đến minh bạch hoá trong hoạt động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp đã được lồng ghép và quy định ở mức cơ bản trong Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006.

Tuy nhiên, trong các FTA thế hệ mới gần đây, đều quy định một Chương (hoặc Điều) riêng về Minh bạch hoá, cụ thể:

- Điều 5.7 (Chương 5) Hiệp định EVFTA theo đó, quy định Hai Bên thừa nhận tầm quan trọng của tính minh bạch liên quan đến việc xây dựng, ban hành và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp. Mỗi Bên phải: đảm bảo rằng các chủ thể kinh tế và những người quan tâm khác của Bên kia được phép tham gia vào các tham vấn công khai chính thức liên quan đến quá trình xây dựng quy chuẩn kỹ thuật, với các điều kiện không kém thuận lợi hơn dành cho các pháp nhân hoặc thể nhân của Bên mình; trong trường hợp thực hiện đánh giá tác động, thông báo cho Bên kia, khi có yêu cầu, kết quả của việc đánh giá tác động của dự thảo quy chuẩn kỹ thuật; cho phép ít nhất một khoảng thời gian 60 ngày sau khi thông báo để Bên kia đưa ra góp ý bằng văn bản đối với dự thảo và, nếu có thể, xem xét các đề nghị hợp lý về việc gia hạn thời gian...

- Điều 8.7 (Chương 8) Minh bạch hóa Hiệp định CPTPP theo đó, quy định

+ Mỗi Bên phải cho phép tổ chức và cá nhân của Bên khác tham gia vào quá trình xây dựng quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình đánh giá sự phù hợp của các cơ quan chính phủ trung ương 3 với những điều kiện không kém thuận lợi hơn những điều kiện mà họ áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân của chính nước mình.

+ Mỗi Bên được khuyến khích xem xét các biện pháp giúp tăng tính minh bạch hóa trong quá trình xây dựng quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình đánh giá sự phù hợp, bao gồm cả việc sử dụng các công cụ điện tử và lấy ý kiến công khai...

Do vậy, việc bổ sung quy định một Điều về Minh bạch hoá, trong đó, quy định “Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực thi các nghĩa vụ minh bạch hóa và tuân thủ các nguyên tắc về thông báo, công bố thông tin, hỏi đáp, xử lý quan ngại thương mại về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp

theo các cam kết về hàng rào kỹ thuật trong thương mại trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên” đảm bảo tất cả các tổ chức, cá nhân (đặc biệt là các cơ quan quản lý nhà nước) tuân thủ đầy đủ các điều ước mà Việt Nam đã ký kết trong hoạt động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đặc biệt, khi hàng rào về thuế quan dần bị loại bỏ, thì các hàng rào kỹ thuật (tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật) hiện nay được các quốc gia quan tâm xây dựng. Đồng thời, quy định Cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia là đầu mối quốc gia tham gia đàm phán và thực thi các cam kết về hàng rào kỹ thuật trong thương mại trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên phù hợp với các điều ước quốc tế, cam kết quốc tế về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp trong các hiệp định thương mại tự do đa phương, song phương mà Việt Nam đã tham gia.

- Bổ sung các chính sách của Nhà nước đối với hoạt động thông báo, hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại như: Phát triển hạ tầng thông báo và hỏi đáp quốc gia; Tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp trong và ngoài nước về thực thi các hiệp định thương mại tự do đa phương, song phương; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham gia hoạt động loại bỏ hàng rào kỹ thuật trong thương mại để tạo cơ sở vật chất kỹ thuật tốt nhất hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp Việt Nam, đồng thời bảo vệ lợi ích chính đáng của doanh nghiệp và người tiêu dùng Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng.

2.1.6. Bổ sung Điều 8d về hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, theo đó, quy định Nhà nước đầu tư xây dựng và đảm bảo điều kiện vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nhằm kết nối, chia sẻ thông tin hiệu quả giữa trung ương với địa phương, giữa cơ quan quản lý với doanh nghiệp, hỗ trợ cung cấp thông tin tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho các đối tượng có nhu cầu tiếp cận thông tin đảm bảo cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đầy đủ, công khai, minh bạch.

2.2 Về xây dựng, công bố và áp dụng tiêu chuẩn

2.2.1 Sửa đổi, bổ sung Điều 11 (về trách nhiệm xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn), theo đó, quy định:

- Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, tổ chức thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia, công bố và thông báo tiêu chuẩn quốc gia có đối tượng không thuộc danh mục bí mật nhà nước.

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, tổ chức thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia, công bố và thông báo tiêu chuẩn quốc gia có đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước

Nhằm đảm bảo thống nhất trách nhiệm quản lý nhà nước quy định giữa Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

- Bổ sung quy định về việc “áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia đã bị bãi bỏ”, cụ thể quy định “Căn cứ yêu cầu quản lý, năng lực kỹ thuật, trình độ công nghệ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh,

thành phố, tổ chức, cá nhân có quyền xem xét, quyết định việc tiếp tục áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia theo các dự án, văn bản, thỏa thuận giữa các bên đã được phê duyệt, ký kết khi tiêu chuẩn quốc gia đó đã bị bãi bỏ và chịu trách nhiệm về quyết định của mình” để phù hợp với thực tiễn khi hiện nay nhiều bộ, ngành, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố do đã phê duyệt TCVN áp dụng cho các công trình, dự án. Nhưng sau đó, TCVN liên quan bị bãi bỏ, thay thế bằng TCVN mới, dẫn đến lúng túng trong khâu chỉ đạo, điều hành, xác định tính hồi tố của TCVN mới.

- Bỏ quy định tại điểm b) khoản 3 Điều 11 về “Cơ quan nhà nước xây dựng tiêu chuẩn cơ sở” do quy trình xây dựng tiêu chuẩn cơ sở khá mở, lỏng lẻo hơn so với quy trình xây dựng TCVN dẫn đến một số cơ quan nhà nước lách luật, sử dụng ngân sách nhà nước để xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, nhưng lại ban hành và áp dụng như TCVN dẫn đến gây nhiều khó khăn, bất cập cho doanh nghiệp, người dân. Mặt khác, chức năng của cơ quan quản lý nhà nước là quản lý thống nhất trên toàn quốc, do vậy cần tập trung xây dựng TCVN theo đúng quy định. Theo quy định pháp luật, tiêu chuẩn cơ sở chỉ được áp dụng trong phạm vi nội bộ tổ chức ban hành, không phù hợp với mục đích quản lý nhà nước.

2.2.2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 4 Điều 15 nhằm thúc đẩy xã hội hoá, theo đó, quy định tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí của mình nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, hỗ trợ nghiên cứu xây dựng quy chuẩn kỹ thuật được hưởng ưu đãi về thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ và các quy định pháp luật khác có liên quan; đồng thời, được quyền đề xuất Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng thành tiêu chuẩn quốc gia đối với tiêu chuẩn cơ sở tổ chức đã công bố.

2.2.3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 17 (về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia), theo đó:

- Sửa đổi, bổ sung quy định “Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia không thuộc danh mục bí mật nhà nước với thời hạn thẩm định không quá ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ” so với quy định trước đây là sáu mươi ngày để giảm thời gian xây dựng, công bố TCVN, phù hợp với công tác quản lý nhà nước và tình hình thực tiễn khi tổ chức, doanh nghiệp mong muốn được áp dụng tiêu chuẩn trong thời gian sớm nhất có thể.

- Đối với tiêu chuẩn quốc gia có đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước, bổ sung quy định “Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, tổ chức thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia, công bố và thông báo tiêu chuẩn quốc gia có đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước” nhằm đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ giữa Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

2.2.4. Sửa đổi, bổ sung Điều 19a (về xây dựng, thẩm định, công bố, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia theo trình tự, thủ tục rút gọn), theo đó,

- Bổ sung quy định về các trường hợp được xây dựng, thẩm định, công bố, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia theo trình tự, thủ tục rút gọn, cụ thể:

+ Tiêu chuẩn quốc gia được viện dẫn trong văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật

+ Trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; trường hợp đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn

+ Trường hợp cần bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia được viện dẫn trong văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật có nội dung trái pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

- Đồng thời, bổ sung quy định về thẩm quyền quyết định việc xây dựng, thẩm định, công bố, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia theo trình tự, thủ tục rút gọn, cụ thể:

+ Thủ tướng Chính phủ quyết định trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; trường hợp đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ...

+ Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ quyết định trong trường hợp cần bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia được viện dẫn trong văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật có nội dung trái pháp luật...

Đồng thời, bổ sung quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia theo trình tự, thủ tục rút gọn trong đó quy định về thời gian tối đa để lấy ý kiến góp ý, thời gian thẩm định, công bố tiêu chuẩn, đảm bảo chất lượng và thời gian công bố tiêu chuẩn sớm nhất có thể để các cơ quan, tổ chức áp dụng. Ví dụ: khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát, quy trình xây dựng TCVN chống dịch (khẩu trang, găng tay y tế, trang thiết bị y tế chống dịch...) sẽ được rút ngắn để công bố, phục vụ kịp thời công tác phòng, chống dịch; các quy định này phù hợp với Hiệp định WTO/TBT, các Hiệp định FTA mà Việt Nam đã ký kết.

2.2.5 Sửa đổi, bổ sung khoản 3 của Điều 20 (về xây dựng, công bố tiêu chuẩn cơ sở), theo đó, bổ sung quy định tổ chức, cá nhân công bố tiêu chuẩn cơ sở có trách nhiệm thông báo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục xây dựng, công bố, thông báo việc công bố tiêu chuẩn cơ sở nhằm đảm bảo các cơ quan nhà nước có đầy đủ cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn cơ sở của doanh nghiệp, phục vụ hoạt động giám sát, kiểm tra khi cần thiết của cơ quan nhà nước, đây là biện pháp không phát sinh thủ tục hành chính, đồng thời, với quy định này sẽ nâng cao ý thức chấp hành pháp luật tiêu chuẩn của doanh nghiệp, hiện nay, một số quốc gia đã áp dụng mô hình này (ví dụ: Trung Quốc cũng đã triển khai cổng thông tin điện tử để các doanh nghiệp thông báo bằng phương thức điện tử về tiêu chuẩn của doanh nghiệp tới cơ quan nhà nước, thuận lợi trong công tác quản lý, thống kê, hậu kiểm).

2.2.6 Sửa đổi, bổ sung Điều 21 (về xuất bản, phát hành tiêu chuẩn):

- Bổ sung quy định cho phép Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có quyền xuất bản và phát hành tiêu chuẩn quốc gia do mình tổ chức xây dựng dự thảo. Tuy nhiên, phải đảm bảo tuân thủ quy định, pháp luật về bản quyền tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài.

- Bổ sung quy định “Tiêu chuẩn quốc gia có nguồn kinh phí xây dựng từ ngân sách nhà nước dành cho khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn quốc gia được viện dẫn trong các quy chuẩn kỹ thuật được công khai rộng rãi, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các quy định về bản quyền tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài của các tổ chức ban hành tiêu chuẩn làm căn cứ xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia này”.

- Bổ sung quy định về “đỉnh chính tiêu chuẩn quốc gia” để đảm bảo việc xây dựng, công bố tiêu chuẩn quốc gia phù hợp với thực tiễn, loại bỏ bất cập hiện nay phải tiến hành quy trình sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn quốc gia (quy trình tương tự xây dựng tiêu chuẩn quốc gia mới, tốn nhiều thời gian) đối với các tiêu chuẩn quốc gia có sai lỗi nhỏ về nội dung biên tập (như lỗi chính tả, thể thức trình bày, số hiệu...) mà không ảnh hưởng đến nội dung quy định kỹ thuật của tiêu chuẩn.

2.3 Về xây dựng, ban hành và áp dụng quy chuẩn kỹ thuật

2.3.1 Sửa đổi, bổ sung Điều 27 (về trách nhiệm xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật), theo đó,

- Bổ sung quy định về thực hiện đánh giá tác động khi xây dựng QCVN:

Hiện nay, việc phải thực hiện đánh giá tác động khi xây dựng QCVN được quy định tại Nghị định 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018, chưa được quy định tại Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. Trong khi đó, QCVN là văn bản pháp lý kỹ thuật, bắt buộc áp dụng được các Bộ ngành ban hành, có tác động rất lớn đến phát triển kinh tế xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (ví dụ: các QCVN về phòng cháy chữa cháy, QCVN về phân bón, QCVN về xăng dầu...). Theo phản ánh của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Phòng Thương mại Hoa Kỳ tại Việt Nam (Amcham), một số QCVN trong quá trình xây dựng, thiếu đánh giá tác động, dẫn đến khi ban hành không đảm bảo đủ hạ tầng kỹ thuật, phòng thử nghiệm, tổ chức chức nhận đủ năng lực để thử nghiệm, chứng nhận sản phẩm thuộc đối tượng quản lý của QCVN, dẫn đến làm tăng chi phí thử nghiệm, kéo dài thời gian doanh nghiệp được cấp chứng nhận do phải xếp hàng, chờ đợi thử nghiệm. Vì vậy, việc quy định khi xây dựng QCVN phải có báo cáo đánh giá tác động là rất cần thiết, phù hợp thông lệ quốc tế.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 5.4, Hiệp định EVFTA, yêu cầu các quốc gia thành viên thống nhất áp dụng quy phạm thực hành tốt (GRP) trong xây dựng quy chuẩn kỹ thuật bằng cách *khuyến khích đánh giá tác động* bằng các phương thức đánh giá tác động được khuyến nghị bởi Ủy ban về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Điều 13 của Hiệp định WTO/TBT).

Do vậy, việc thực hiện đánh giá tác động khi xây dựng QCVN là phù hợp với thực tiễn quản lý nhà nước và thông lệ xây dựng văn bản pháp luật mà các nước trên thế giới áp dụng.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2, theo đó, quy định rõ “Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức hội đồng thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có đối tượng không thuộc danh mục bí mật nhà nước; cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức hội đồng thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước.” đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ giữa Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

2.3.2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 32 (về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật), theo đó:

- Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) không thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định tại Điều 33 của Luật này. Thời hạn thẩm định không quá ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ so với quy định trước đây là sáu mươi ngày để giảm thời gian xây dựng, ban hành QCVN, phù hợp với yêu cầu trong công tác quản lý nhà nước.

- Đối với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước, dự thảo Luật sẽ quy định trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước.

- Đối với xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCĐP), bổ sung quy định các bộ, ngành có thẩm quyền phải có ý kiến trả lời Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong thời hạn ba mươi ngày khi được lấy ý kiến đối với QCĐP. Trường hợp quy chuẩn kỹ thuật địa phương có nội dung phức tạp, liên quan nhiều lĩnh vực, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 của Luật này phối hợp các cơ quan, tổ chức liên quan để tổ chức xem xét, đánh giá hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương nhằm bảo đảm hồ sơ xây dựng QCĐP được xem xét, đánh giá kỹ lưỡng trước khi ban hành.

- Đồng thời, bổ sung Chính phủ quy định cụ thể hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật và trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật để hướng dẫn cụ thể cho đối tượng quy chuẩn kỹ thuật không thuộc và thuộc danh mục bí mật nhà nước.

2.3.3 Sửa đổi, bổ sung Điều 35 (về rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật), theo đó, bổ sung quy định về “đính chính quy chuẩn kỹ thuật” để đảm bảo việc xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với thực tiễn, loại bỏ bất cập hiện nay phải tiến hành quy trình sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật (quy trình tương tự xây dựng quy chuẩn kỹ thuật mới, tốn nhiều thời gian) đối với các quy chuẩn kỹ thuật có sai lỗi nhỏ về nội dung biên tập như lỗi chính tả, thể thức trình bày, số hiệu quy chuẩn kỹ thuật... mà không ảnh hưởng đến quy định kỹ thuật, yêu cầu quản lý của quy chuẩn kỹ thuật.

2.3.4 Bổ sung Điều 35a vào sau Điều 35 (về xây dựng, ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ quy chuẩn kỹ thuật theo trình tự, thủ tục rút gọn), theo đó, với các trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp;

trường hợp đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Trường hợp cần ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần của quy chuẩn kỹ thuật để kịp thời bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Trường hợp cần hủy bỏ quy chuẩn kỹ thuật trái pháp luật hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, quy định cụ thể về trách nhiệm của người được quyền ra quyết định việc áp dụng thủ tục rút gọn này và thời gian tối thiểu để tổ chức thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật, đảm bảo chất lượng và thời gian ban hành quy chuẩn kỹ thuật sớm nhất có thể phục vụ hoạt động quản lý nhà nước phù hợp với thực tiễn và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2.4 Về đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật

2.4.1 Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 48 (về công bố hợp quy) theo đó,

- Hiện nay, quy định công bố hợp quy tại Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá chưa thống nhất, cụ thể:

+ Điều 48 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật quy định 02 biện pháp công bố hợp quy: (1) Dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy do tổ chức chứng nhận sự phù hợp được chỉ định; (2) hoặc Dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân trên cơ sở kết quả thử nghiệm của phòng thử nghiệm được công nhận hoặc chỉ định.

+ Khoản 2 Điều 34 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá quy định hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu phải được công bố hợp quy, chứng nhận hợp quy bởi tổ chức chứng nhận được chỉ định hoặc được thừa nhận.

+ Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018), việc công bố hợp quy được thực hiện dựa trên một trong 03 biện pháp: (1) Kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân; (2) Kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định pháp luật; (3) Kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật.

Do vậy, trên cơ sở thực tiễn triển khai thực hiện việc công bố hợp quy được quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của các cơ quan quản lý, tổ chức, doanh nghiệp, dự thảo Luật thống nhất nội dung quy định của Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

- Bổ sung quy định thử nghiệm phục vụ chứng nhận hợp quy hoặc tự đánh giá của tổ chức, cá nhân do tổ chức thử nghiệm được công nhận và đã đăng ký thực hiện, bổ sung quy định “đã đăng ký thực hiện” (trước đây chỉ quy định “do tổ chức thử nghiệm được công nhận thực hiện”, trong khi đó hoạt động công nhận là hoạt động tự nguyện) nhằm đảm bảo kết quả thử nghiệm được đánh giá bởi các tổ chức đã đăng ký hoạt động đầy đủ, theo đúng quy định của nhà nước mà hiện nay đang được quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp (Nghị định số 107/2016/NĐ-CP) và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính

phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ (Nghị định số 154/2018/NĐ-CP) và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. Như vậy, với quy định mới sẽ bao gồm: tổ chức thử nghiệm được công nhận và đã đăng ký thực hiện hoặc do tổ chức thử nghiệm được chỉ định thực hiện.

2.4.2. Sửa đổi, bổ sung Điều 50 (về các tổ chức đánh giá sự phù hợp):

- Sửa “Đơn vị sự nghiệp hoạt động dịch vụ kỹ thuật.” thành “Tổ chức khoa học và công nghệ” để phù hợp với quy định về tổ chức của Luật Khoa học và Công nghệ, cụ thể:

Khoản 10 và Khoản 11 Điều 3 Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 quy định Dịch vụ khoa học và công nghệ gồm: hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyên giao công nghệ, *tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa*, an toàn bức xạ, hạt nhân... và Tổ chức khoa học và công nghệ là tổ chức có chức năng chủ yếu là nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, *hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ*, được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật.

Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp quy định các tổ chức đánh giá sự phù hợp phải đáp ứng điều kiện là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

Do vậy, việc sửa đổi quy định trên sẽ thống nhất các quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Luật Khoa học và Công nghệ.

- Sửa “Chi nhánh của tổ chức chứng nhận nước ngoài tại Việt Nam” thành “Tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài tại Việt Nam”.

Hiện nay, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật quy định tổ chức chứng nhận nước ngoài phải thành lập Chi nhánh tại Việt Nam.

Tuy nhiên, theo Hiệp định CPTPP (Khoản 1, khoản 2 Điều 8.6) (quy định bắt buộc) quy định không được yêu cầu tổ chức đánh giá sự phù hợp tiến hành thử nghiệm hoặc chứng nhận sản phẩm, hoặc tổ chức đánh giá sự phù hợp tiến hành giám định phải đặt tại lãnh thổ của nước sở tại; không được đưa ra yêu cầu bắt buộc các tổ chức đánh giá sự phù hợp nằm ngoài lãnh thổ phải mở văn phòng hoạt động trên lãnh thổ của Bên đó; phải cho phép các tổ chức đánh giá sự phù hợp trong các lãnh thổ của các Bên khác nộp hồ sơ để xác nhận rằng họ đã tuân thủ theo các quy trình, tiêu chí và những điều kiện khác mà Bên đó yêu cầu để chấp nhận năng lực của các tổ chức này hoặc để cho phép họ tiến hành thử nghiệm hoặc chứng nhận sản phẩm hoặc tiến hành giám định. Điều 6.4 của Hiệp định WTO/TBT (khuyến khích áp dụng) quy định các Thành viên được khuyến khích cho phép các cơ quan đánh giá tính phù hợp nằm trên lãnh thổ của các Thành viên khác tham gia vào các thủ tục đánh giá tính phù hợp của mình với những đối xử không kém phần ưu đãi hơn các đối xử dành cho các tổ chức nằm trên lãnh thổ của mình hoặc lãnh thổ của bất cứ nước nào khác. Theo Hiệp định EVFTA (khoản 3 Điều 5.6) (không bắt buộc) quy định Hai Bên thừa nhận có nhiều cơ chế tạo thuận lợi cho việc chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp được thực hiện trên lãnh thổ của Bên kia như: Chính phủ

chỉ định các tổ chức đánh giá sự phù hợp, bao gồm cả các tổ chức nằm trên lãnh thổ của Bên kia.

Do vậy, dự thảo Luật sẽ bỏ quy định các tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài phải thành lập “Chi nhánh” tại Việt Nam để phù hợp với các quy định, khuyến nghị trên.

Đồng thời, theo quy định tại Khoản 19 Điều 3 Luật Đầu tư năm 2020 quy định nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và Khoản 1 Điều 8 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định nghĩa vụ của doanh nghiệp phải đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

Như vậy, Tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài phải đáp ứng điều kiện kinh doanh tại Mục 188 Phụ lục IV Luật Đầu tư năm 2020 quy định kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp), đảm bảo công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đánh giá sự phù hợp của tổ chức trong và ngoài nước.

2.4.3. Sửa đổi, bổ sung Điều 51 (về điều kiện hoạt động của tổ chức đánh giá sự phù hợp)

- Hiện nay, cả hai Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá đều có quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức đánh giá sự phù hợp, cụ thể:

+ Điều 51 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật quy định về Điều kiện hoạt động của tổ chức chứng nhận sự phù hợp

+ Khoản 5 Điều 25 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá quy định về Điều kiện hoạt động của tổ chức đánh giá sự phù hợp.

Nội dung các điều kiện hoạt động được quy định tại hai Luật trên về cơ bản là giống nhau, chỉ khác biệt về tên gọi của tổ chức, cụ thể, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật sử dụng “tổ chức chứng nhận sự phù hợp” còn Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá sử dụng “tổ chức đánh giá sự phù hợp”.

Do vậy, dự thảo Luật thống nhất sửa tên và nội dung liên quan của Điều thành “tổ chức đánh giá sự phù hợp”.

Trong nội dung của hai Luật trên đã có nội dung về thực hiện đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp tới cơ quan nhà nước. Hiện nay, các tổ chức đánh giá sự phù hợp đã thực hiện việc đăng ký hoạt động với cơ quan nhà nước theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018. Do vậy, dự thảo Luật sẽ không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Căn cứ Điều 7 về Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư năm 2020, dự thảo Luật bổ sung quy định các tổ chức đánh giá sự phù hợp phải “Đáp ứng các điều kiện khác đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo

quy định pháp luật liên quan.” để đảm bảo phù hợp quy định của Luật Đầu tư năm 2020.

2.4.4. Bổ sung Điều 51a (về quyền của tổ chức đánh giá sự phù hợp) và Điều 51b (về nghĩa vụ của tổ chức đánh giá sự phù hợp) theo đó, quy định các nội dung về quyền và nghĩa vụ cơ bản của tổ chức đánh giá sự phù hợp.

- Hiện nay, cả hai Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá đều có quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức đánh giá sự phù hợp, cụ thể:

+ Khoản 1 Điều 52 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật quy định về quyền của tổ chức chứng nhận sự phù hợp (03 quyền).

+ Điều 19 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá quy định về quyền của tổ chức đánh giá sự phù hợp (07 quyền).

+ Khoản 2 Điều 52 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật quy định về nghĩa vụ của tổ chức chứng nhận sự phù hợp (06 nghĩa vụ).

+ Điều 20 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá quy định về nghĩa vụ của tổ chức đánh giá sự phù hợp (10 nghĩa vụ).

Có thể thấy, có sự khác biệt về tên gọi của tổ chức, cụ thể, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật sử dụng “tổ chức chứng nhận sự phù hợp” còn Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá sử dụng “tổ chức đánh giá sự phù hợp”.

Nội dung và số lượng các quyền và nghĩa vụ của hai Luật trên là khác nhau (Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá quy định chi tiết và cụ thể hơn so với Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật). Trong khi đó, về bản chất, hoạt động đánh giá sự phù hợp chất lượng sản phẩm hàng hoá chỉ là một phần của đánh giá sự phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (đánh giá sự phù hợp chất lượng sản phẩm hàng hoá dựa trên đánh giá sự phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của sản phẩm, hàng hoá để đưa ra kết luận sản phẩm, hàng hoá có đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hay không).

Do vậy, dự thảo Luật thống nhất sửa tên và nội dung liên quan của Điều thành “tổ chức đánh giá sự phù hợp” và nội dung các quyền và nghĩa vụ của dự thảo Luật thống nhất quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá (chỉ sửa “chất lượng sản phẩm hàng hoá” thành “phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật”).

Các điều kiện hoạt động, quyền, nghĩa vụ của tổ chức đánh giá sự phù hợp này phù hợp với các quy định của các Hiệp định Thương mại tự do (FTA), tiêu chuẩn về đánh giá sự phù hợp của các Tổ chức tiêu chuẩn hoá quốc tế (ISO, IEC, ITU) đã được WTO công nhận, quy định về quản lý hoạt động đánh giá sự phù hợp của các nước trên thế giới, trong khu vực tạo sự thống nhất quy định giữa Luật của Việt Nam và quy định, thông lệ quốc tế nhằm thuận lợi cho hoạt động thương mại.

2.4.5. Sửa đổi, bổ sung Điều 53 (về hoạt động công nhận), theo đó, bổ sung quy định về đối tượng của hoạt động công nhận như: Tổ chức chứng nhận (hệ thống quản lý, năng lực cá nhân, sản phẩm, quá trình và dịch vụ); tổ chức sản xuất mẫu chuẩn; tổ chức cung cấp thử nghiệm thành thạo; phòng xét nghiệm y tế; tổ chức có

hoạt động xác nhận giá trị sử dụng; tổ chức có hoạt động kiểm tra xác nhận; các tổ chức đánh giá sự phù hợp khác có liên quan.” so với quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006 (chỉ gồm 04 tổ chức: Phòng thử nghiệm, Phòng hiệu chuẩn, Tổ chức chứng nhận sự phù hợp, Tổ chức giám định) để đảm bảo phù hợp với thực tiễn quản lý nhà nước khi hiện nay có nhiều đối tượng thuộc phạm vi của hoạt động công nhận, phù hợp thông lệ quốc tế, quy định của các tiêu chuẩn quốc tế (ISO, IEC) về đánh giá sự phù hợp như: TCVN ISO/IEC 17011:2017 (ISO/IEC 17011:2017) về Đánh giá sự phù hợp - Yêu cầu chung đối với tổ chức công nhận các tổ chức đánh giá sự phù hợp, tạo thuận lợi cho giao dịch, thương mại quốc tế của các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

2.4.6. Sửa đổi, bổ sung Điều 54 (về tổ chức công nhận), theo đó,

- Sửa đổi khoản 1 Điều 54 sửa “Tổ chức công nhận là đơn vị sự nghiệp khoa học” thành “Tổ chức công nhận là tổ chức khoa học công nghệ” để phù hợp với quy định về tổ chức của Luật Khoa học và Công nghệ.

- Bổ sung quy định về “Đăng ký hoạt động công nhận tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền” đảm bảo thống nhất quy định tại Mục 188 Phụ lục IV Luật Đầu tư năm 2020 quy định kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 đảm bảo công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động công nhận.

Hiện nay, các tổ chức công nhận đã thực hiện việc đăng ký hoạt động với cơ quan nhà nước theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018. Do vậy, việc bổ sung quy định trên tại dự thảo Luật sẽ không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Bổ sung quy định về Tổ chức công nhận quốc gia, Hội đồng công nhận quốc gia.

Hoạt động công nhận là một phần quan trọng nhất của một quốc gia để đảm bảo chất lượng, năng lực và sự tin cậy của hệ thống đánh giá sự phù hợp - đảm bảo chất lượng của hoạt động thử nghiệm, hiệu chuẩn, chứng nhận và giám định.

Trong khuôn khổ hợp tác ASEAN, theo Điều 4.1 của Hướng dẫn ASEAN về Hoạt động công nhận và đánh giá sự phù hợp quy định rõ: Mỗi quốc gia thành viên ASEAN phải chỉ định một Tổ chức Công nhận Quốc gia (National Accreditation Body) là tổ chức chịu trách nhiệm về hoạt động công nhận để đảm bảo tính thống nhất trong thực hiện các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau giữa các thành viên ASEAN; trong trường hợp có nhiều hơn một tổ chức công nhận, mỗi quốc gia thành viên phải chỉ định Cơ quan điều phối công nhận quốc gia (National Accreditation Coordinating Body).

Theo văn bản pháp luật của Cộng đồng Châu Âu (EC Regulation No 765/2008) quy định mỗi quốc gia thành viên chỉ định một tổ chức công nhận quốc gia nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo chất lượng hoạt động công nhận trong Cộng đồng Châu Âu.

Hiện nay, đa số các quốc gia trên thế giới đều có một tổ chức công nhận quốc gia. Trường hợp một quốc gia có nhiều tổ chức công nhận, thì quốc gia đó chỉ định một tổ chức công nhận quốc gia của mình là đại diện tham gia hoạt động công nhận quốc tế. Kinh nghiệm của các nước như Anh, Pháp, Trung Quốc, Serbia, Singapore, Malaysia... đã thành lập Tổ chức công nhận quốc gia nhằm đảm bảo hoạt động công nhận được tổ chức, hoạt động một cách thống nhất, bài bản nhằm nâng cao năng lực, chất lượng của các tổ chức công nhận, đưa công nhận trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực cho các cơ quan quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá quốc gia, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Theo thông lệ quốc tế, hội đồng công nhận quốc gia nằm trong tổ chức công nhận quốc gia (cùng một thực thể), thực hiện chức năng nghiên cứu, tư vấn cơ chế, chính sách về quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát và phát triển hoạt động công nhận phù hợp nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, hạ tầng chất lượng quốc gia và hội nhập quốc tế; Tham mưu, tư vấn hoạt động của tổ chức công nhận quốc gia phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và cam kết hội nhập quốc tế.

Các quy định về tổ chức công nhận quốc gia, hội đồng công nhận quốc gia phù hợp với quy định của TCVN ISO/IEC 17011:2017 về Đánh giá sự phù hợp - Yêu cầu chung đối với tổ chức công nhận các tổ chức đánh giá sự phù hợp hiện đang được các tổ chức, quốc gia căn cứ để xây dựng Chương trình đánh giá cũng như xây dựng các quy định quản lý nhà nước đối với tổ chức công nhận, theo đó, bản chất tổ chức công nhận quốc gia và hội đồng công nhận quốc gia là một thực thể (hội đồng công nhận quốc gia luôn luôn tồn tại cùng tổ chức công nhận quốc gia), cụ thể: Điều 4.4.5 quy định tổ chức công nhận phải lập thành văn bản và thực hiện quá trình để đưa ra cơ hội cho sự tham gia có hiệu lực của các bên quan tâm để bảo vệ tính khách quan. Tổ chức công nhận phải đảm bảo sự đại diện cân bằng của các bên quan tâm mà không có bên nào chiếm ưu thế.

Hội đồng công nhận quốc gia (với thành viên là các lãnh đạo quản lý của các bộ quản lý chuyên ngành, chuyên gia có chuyên môn sâu...) hoạt động có tính chất tư vấn chính sách và tồn tại cùng tổ chức công nhận quốc gia.

Hiện nay, các tổ chức công nhận đa phần tập trung công nhận các lĩnh vực phổ biến, thông thường có lợi nhuận. Trong khi đó, đối với các lĩnh vực công nhận mới, phức tạp (công nhận chất chuẩn, y tế...), có lợi nhuận thấp, ít được các tổ chức công nhận quan tâm. Đối với các lĩnh vực công nhận này, cần có tổ chức công nhận quốc gia đi tiên phong, nhận trách nhiệm thực hiện hoạt động trên (hoạt động phi lợi nhuận). Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ là tổ chức công nhận có uy tín, năng lực (đã công nhận cho gần 1500 phòng thí nghiệm, phòng thí nghiệm y tế, tổ chức giám định, tổ chức chứng nhận khắp cả nước) và đã tham gia hoạt động tại các Tổ chức Công nhận quốc tế và khu vực như Tổ chức công nhận Châu Á – Thái Bình Dương (APAC), Tổ chức Công nhận các phòng thí nghiệm quốc tế (ILAC) và Diễn đàn công nhận quốc tế (IAF), có thể xem xét để trở thành tổ chức công nhận quốc gia của Việt Nam.

Do vậy, việc quy định về Tổ chức công nhận quốc gia (bao gồm: Hội đồng công nhận quốc gia trực thuộc) và xem xét Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ trở thành tổ chức công nhận quốc

gia của Việt Nam (tương tự như Cơ quan tiêu chuẩn hoá quốc gia trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ) là phù hợp với thực tiễn quản lý nhà nước đảm bảo sự thống nhất quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và đại diện của Việt Nam trong các tổ chức công nhận quốc tế, phù hợp thông lệ quốc tế và sẽ không làm phát sinh hình thành bộ máy, biên chế, phù hợp với văn bản pháp luật hiện hành và Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 56/2017/QH14 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả yêu cầu “Không lồng ghép các quy định về tổ chức bộ máy, biên chế vào các luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội không thuộc lĩnh vực tổ chức bộ máy nhà nước”.

2.4.7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 57 (về thoả thuận thừa nhận lẫn nhau), theo đó, sửa đổi các nội dung sau:

- Sửa tên điều từ “thoả thuận thừa nhận lẫn nhau” thành “Thừa nhận, chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp”.

- Điều 57 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Điều 26 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá, Thông tư số 27/2007/TT-BKHCN ngày 31/10/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hiện nay chỉ đề cập đến thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp, nhưng chưa đề cập rõ đến thừa nhận giữa các tổ chức công nhận.

Trong khi đó, theo quy định, khuyến nghị của các Hiệp định FTA thế hệ mới như:

+ Khoản 2 Điều 8.1 Hiệp định CPTPP quy định “Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau là các thỏa thuận quốc tế hoặc khu vực (bao gồm cả thỏa thuận thừa nhận đa phương) giữa các tổ chức công nhận thừa nhận tính tương đương của các hệ thống công nhận (dựa trên cơ sở xem xét tương đương) hoặc giữa các tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp.”.

+ Khoản 8 Điều 8.6 Hiệp định CPTPP quy định “một Bên phải xem xét ban hành các biện pháp để phê duyệt các tổ chức đánh giá sự phù hợp được công nhận theo các quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn của Bên nhập khẩu, bởi một tổ chức công nhận là thành viên của thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau quốc tế hoặc khu vực.”.

+ Khoản 3 Điều 5.6 Hiệp định EVFTA khuyến nghị (không mang tính bắt buộc) hai bên thừa nhận rằng hiện tại có nhiều cơ chế tạo thuận lợi cho việc chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp được thực hiện trên lãnh thổ của Bên kia bao gồm sử dụng công nhận để đánh giá các tổ chức đánh giá sự phù hợp nằm trên lãnh thổ của Bên kia.

+ Điểm e khoản 4 Hiệp định EVFTA khuyến nghị (không mang tính bắt buộc) hai Bên cam kết xem xét làm thế nào để sử dụng tốt nhất các tiêu chuẩn quốc tế về công nhận và các hiệp định quốc tế liên quan đến các tổ chức công nhận, ví dụ, thông qua các cơ chế của Tổ chức công nhận các phòng thử nghiệm quốc tế (ILAC) và Diễn đàn công nhận quốc tế (IAF).

Do vậy, việc bổ sung nguyên tắc thừa nhận lẫn nhau của “tổ chức công nhận” đảm bảo Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam phù hợp quy định, khuyến nghị trong các Hiệp định FTA, làm căn cứ cho việc tổ chức triển khai thừa nhận lẫn nhau của các tổ chức công nhận Việt Nam hỗ trợ hiệu quả hoạt động đánh giá sự phù hợp sản phẩm, hàng hoá của Việt Nam khi xuất khẩu ra thị trường thế giới.

- Sửa đổi quy định từ “Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ liên quan tổ chức thực hiện các thoả thuận thừa nhận lẫn nhau” thành “các Bộ theo chức năng quản lý nhà nước chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện các thoả thuận thừa nhận lẫn nhau sau khi có sự thống nhất với Bộ Khoa học và Công nghệ” để đảm bảo sự chủ động, trách nhiệm chính trong hoạt động này theo đúng chức năng quản lý được giao, đúng định hướng của Chính phủ về việc phân cấp, phân quyền (một cơ quan chịu trách nhiệm chính, không làm thay nhiệm vụ của cơ quan khác), nhưng đồng thời, phải đảm bảo Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý thống nhất, tránh chồng chéo, xung đột hoạt động này giữa các bộ ngành, nhất là các lĩnh vực có sự giao thoa giữa các ngành.

- Bổ sung quy định về chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp, theo đó, quy định “Cơ quan quản lý nhà nước xem xét, quyết định chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài có đủ năng lực và được công nhận căn cứ điều kiện về năng lực do cơ quan quản lý nhà nước quy định để phục vụ hoạt động quản lý nhà nước” đáp ứng nhu cầu thực tế hiện nay, khi năng lực thử nghiệm, chứng nhận theo quy chuẩn, tiêu chuẩn mới còn hạn chế, đặc biệt là lĩnh vực công nghệ cao, vật liệu mới (ví dụ: công nghệ viễn thông 5G, vạn vật kết nối IOT, chip bán dẫn...), hiện chưa có phòng thử nghiệm tại Việt Nam có đủ năng lực đánh giá, thử nghiệm, gây khó khăn cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2.5. Về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật

2.5.1. Sửa đổi, bổ sung Điều 59 (về trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ), theo đó, bổ sung một số quy định như sau:

- Xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, chiến lược quốc gia về hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật phục vụ phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia; tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

- Xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành văn bản quản lý, hướng dẫn hoạt động đánh giá sự phù hợp, cơ quan tiêu chuẩn hoá quốc gia, tổ chức công nhận quốc gia.

- Về xây dựng, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, thực hiện thống kê về lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật thống nhất và nâng cao trách nhiệm quản lý phù hợp xu thế áp dụng công nghệ 4.0 hiện nay.

- Phối hợp với Bộ Tài chính lập dự toán ngân sách hàng năm để bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo phục vụ hoạt động kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật (đặc biệt đối với những vấn

đề cấp thiết, phát sinh tác động lớn đến kinh tế, xã hội, an toàn người dân như: xăng dầu giả, an toàn thực phẩm, cháy nổ...) và các hoạt động hợp tác quốc tế, thực hiện nghĩa vụ thành viên chính thức của Việt Nam tại các tổ chức tiêu chuẩn hoá quốc tế, khu vực.

- Về phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính và các bộ ngành liên quan tìm kiếm, chuyên giao, khai thác tiêu chuẩn quốc tế, khu vực, nước ngoài để phục vụ quốc phòng, an ninh nhằm đảm bảo sự quản lý thống nhất hoạt động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại Việt Nam, đặc biệt liên quan đến các ngành, lĩnh vực trọng yếu của quốc gia.

2.5.2. Sửa đổi, bổ sung Điều 60 về trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, theo đó, bổ sung quy định:

- Các bộ ngành có trách nhiệm tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; tổ chức xây dựng tiêu chuẩn quốc gia; xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc lĩnh vực được phân công quản lý đảm bảo kịp thời, đầy đủ các đối tượng phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội.

- Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện hoạt động thông báo, hỏi đáp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp thuộc lĩnh vực được phân công quản lý nhằm nâng cao công tác thông báo tới các quốc gia thành viên khi bối cảnh hiện nay các quốc gia thành viên WTO, FTA rất quan tâm thường xuyên có ý kiến đối với dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, đảm bảo tuân thủ đúng quy định quốc tế, tránh tình trạng các quốc gia thành viên phản ánh, nêu quan ngại khi không kịp thời thông báo.

- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phối hợp Bộ Khoa học và Công nghệ Bộ Khoa học và Công nghệ quy định cụ thể hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho các đối tượng đặc thù thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, cơ yếu.

V. TÍNH THỐNG NHẤT VỚI CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRONG CÙNG LĨNH VỰC VÀ CÁC LĨNH VỰC CÓ LIÊN QUAN

Để bảo đảm tính thống nhất, Dự thảo Luật đã được rà soát với các luật khác trong cùng lĩnh vực và các lĩnh vực có liên quan, cụ thể như sau:

1. Nhóm các luật, bộ luật có nội dung quy phạm pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật: qua rà soát cho thấy có 79 Luật, Bộ luật có nội dung quy phạm pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chia làm 9 nhóm, gồm: Nhóm các luật về dân sự; Nhóm các luật về quy hoạch, kết cấu hạ tầng, xây dựng, nhà ở, công nghiệp gồm Bộ luật Hàng hải; Nhóm các luật về nông nghiệp; Nhóm các luật về hành chính công; Nhóm các luật về khoa học và công nghệ; Nhóm các luật về đầu tư, thương mại; Nhóm các luật về quốc phòng, an ninh; Nhóm các luật về xã hội; Nhóm các luật về tài nguyên, môi trường; Nhóm các luật về tư pháp có Bộ luật Hình sự.

2. Nhóm các Luật không có nội dung quy phạm pháp luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật nhưng có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật: qua rà soát, có 25 luật.

3. Nhóm các luật, bộ luật có nội dung vướng mắc, chông chéo với Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật: qua rà soát cho thấy, có 5 trong tổng số 104 Luật có nội dung vướng mắc, chông chéo với Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, bao gồm: (1) Luật Khoa học và công nghệ, (2) Luật Dự trữ quốc gia, (3) Luật An toàn thực phẩm, (4) Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, (5) Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Các văn bản hướng dẫn thi hành hoặc văn bản pháp luật khác cần phải sửa đổi để phù hợp với các quy định tại dự thảo Luật cũng đã được rà soát và được thể hiện cụ thể trong Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật (xin gửi kèm theo Tờ trình).

VI. TÍNH TƯƠNG THÍCH VỚI CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN

Hiện nay, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006 chưa đáp ứng đầy đủ các điều ước quốc tế và nghĩa vụ trong các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam tham gia.

Các quy định của dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung nêu trên sẽ đảm bảo hệ thống các văn bản pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật đầy đủ và đồng bộ, tạo nên khung pháp lý cần thiết cho việc triển khai hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, đảm bảo sự thống nhất trong việc áp dụng pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, góp phần tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh, phù hợp với thông lệ quốc tế, phù hợp với Hiệp định WTO/TBT và các Chương về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại của các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, RCEP,....).

VII. LÒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ ÁN LUẬT

Qua rà soát nội dung của dự thảo Luật cho thấy các quy định đã đáp ứng các nguyên tắc bình đẳng giới, theo đó nam giới và nữ giới được bình đẳng trong việc tham gia vào các hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật quy định như nhau với cả hai giới mà không quy định cụ thể nào cho từng giới. Tất cả các quy định đều không có sự phân biệt về giới tính, qua đó quyền bình đẳng giới được thể hiện rất rõ: nữ giới và nam giới khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định sẽ có các quyền và nghĩa vụ như nhau.

Do đó, các quy định trong dự thảo Luật không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện quyền và nghĩa vụ khi tham gia của mỗi giới; quyền lợi được áp dụng chung, không có sự phân biệt đối xử về giới, không gây bất bình đẳng về giới.

VIII. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM VỀ NGUỒN NHÂN LỰC, TÀI CHÍNH ĐỂ BẢO ĐẢM THI HÀNH LUẬT

Sau khi Luật được Quốc hội thông qua sẽ có một số các hoạt động chủ yếu gồm: xây dựng các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật (bao gồm cả sửa đổi, bổ sung các văn bản hiện hành), các hoạt động tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật (in ấn tài liệu phổ biến, đăng bài trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức hội thảo, tập huấn để phổ biến những nội dung mới của Luật, v.v.); triển khai thi hành Luật và theo dõi, sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình thực thi Luật theo thời gian định kỳ hoặc đột xuất; đào tạo, nâng cao năng lực cho các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, cá nhân v.v.. Chi phí cho các hoạt động trên sẽ được dự toán chi từ nguồn ngân sách nhà nước, đồng thời, huy động sự tham gia, đóng góp từ các đối tượng khác (các nhà tài trợ, các dự án hỗ trợ kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế, v.v.).

Các chính sách mới quy định trong Luật không làm phát sinh đáng kể chi phí cho quản lý nhà nước về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, do không thay đổi nhiều cơ chế quản lý hiện hành. Các phát sinh đáng kể chủ yếu đến từ nghĩa vụ đóng niên liễm để Việt Nam duy trì là thành viên của các tổ chức tiêu chuẩn hoá quốc tế; tham gia xây dựng các tiêu chuẩn quốc tế (đặc biệt liên quan đến sản phẩm, hàng hoá chủ lực của Việt Nam xuất khẩu) nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia; thực hiện thanh tra, kiểm tra lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn trong trường hợp cấp thiết tác động lớn đến kinh tế, xã hội, đời sống nhân dân (an toàn thực phẩm, xăng dầu giả,...). Các phát sinh này là không đáng kể trong tổng số ngân sách nhà nước dành cho lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Do vậy, với điều kiện thực tế hiện nay về tài chính, cơ sở vật chất, công nghệ, nguồn nhân lực tại các cơ quan quản lý nhà nước về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật đủ nguồn lực, điều kiện cơ bản cho việc thi hành Luật sau khi được Quốc hội thông qua.

IX. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Trên cơ sở nội dung dự thảo Luật và ý kiến của các bộ ngành, Bộ Khoa học và Công nghệ báo cáo và xin ý kiến Chính phủ về một số vấn đề như sau:

1. Về quy định các khái niệm liên quan đến đánh giá sự phù hợp trong dự thảo Luật

Dự thảo Luật quy định khái niệm về đánh giá sự phù hợp trên cơ sở tham khảo thông lệ quốc tế, luật tiêu chuẩn một số nước và hướng dẫn của ISO tại tiêu chuẩn quốc tế ISO 17000.

Hệ thống pháp luật của Việt Nam hiện nay có nhiều khái niệm, thuật ngữ khác nhau được sử dụng trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm hàng hoá như: thử nghiệm, kiểm nghiệm thuốc, kiểm nghiệm thuốc thú y, kiểm nghiệm thực phẩm, kiểm thử trong lĩnh vực công nghệ thông tin...được quy định trong các Luật chuyên ngành: Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá, Luật Dược, Luật An toàn thực phẩm, Luật Thú y... Luật các nước và thông lệ quốc tế, được hiểu chung là “Testing”; nhưng do sự phong phú trong tiếng Việt, đặc thù chuyên ngành, nên mỗi luật lại quy định, sử dụng một thuật ngữ tiếng Việt khác nhau, dẫn đến có nhiều thuật ngữ trên, nhưng về bản chất kỹ thuật và thông lệ quốc tế thì các thuật ngữ này tương

ứng thuật ngữ tiếng Anh là “testing”. Một số bộ ngành (Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế) có ý kiến nên bổ sung các khái niệm trên vào trong dự thảo Luật

Phương án 1: chỉ quy định các khái niệm cơ bản như trong dự thảo Luật là “Thử nghiệm”, “Chứng nhận”, “Giám định”, “Hiệu chuẩn”.

- Ưu điểm:

Các khái niệm trên thống nhất với các khái niệm, định nghĩa, giải thích trong Hiệp định WTO/TBT, các Hiệp định Thương mại tự do (FTA), tiêu chuẩn hoá quốc tế (ISO, IEC, ITU) đã được WTO công nhận tạo sự thông hiểu, thống nhất khái niệm giữa Luật của Việt Nam và quy định, phù hợp thông lệ quốc tế nhằm thuận lợi hóa thương mại.

Luật Tiêu chuẩn của các nước như Trung Quốc, Liên Bang Nga, Malaysia, Thái Lan... cũng chỉ quy định một thuật ngữ chung là thử nghiệm (testing), thống nhất với các thuật ngữ, khái niệm trong Hiệp định WTO/TBT, các Hiệp định Thương mại tự do (FTA), tiêu chuẩn hoá quốc tế (ISO, IEC, ITU) đã được WTO công nhận tạo sự thông hiểu, thống nhất khái niệm giữa Luật của các nước và thông lệ quốc tế nhằm thuận lợi hóa thương mại.

Khoản 5 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 1 Điều 1 dự thảo Luật quy định: “Đánh giá sự phù hợp là việc xác định đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý quy định trong tiêu chuẩn tương ứng và quy chuẩn kỹ thuật tương ứng”. Do vậy, các hoạt động phù hợp với khái niệm nêu trên đều được coi là hoạt động đánh giá sự phù hợp. Ví dụ, tại khoản 7 Điều 2 Luật An toàn thực phẩm quy định: “*Kiểm nghiệm thực phẩm là việc thực hiện một hoặc các hoạt động thử nghiệm, đánh giá sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn tương ứng đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, chất bổ sung vào thực phẩm, bao gói, dụng cụ, vật liệu chứa đựng thực phẩm*”. Từ khái niệm này, có thể thấy hoạt động kiểm nghiệm thực phẩm là một hoạt động đánh giá sự phù hợp và không mâu thuẫn, chồng chéo với Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

Dự thảo Luật đã quy định hoạt động đánh giá sự phù hợp bao gồm hoạt động thử nghiệm, hiệu chuẩn, giám định... và các hoạt động khác có liên quan để bao gồm cả các hoạt động đánh giá sự phù hợp được quy định tại các luật chuyên ngành khác, đồng thời vẫn đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật, tạo sự linh hoạt cho các hoạt động đánh giá sự phù hợp chuyên ngành, có đặc thù riêng.

- Nhược điểm:

Các khái niệm, thuật ngữ như kiểm nghiệm thuốc, kiểm nghiệm thuốc thú y, kiểm nghiệm thực phẩm, kiểm thử... trong các luật khác sẽ không có trong Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật có thể khiến các cơ quan quản lý, tổ chức đánh giá sự phù hợp lúng túng trong việc áp dụng, thực thi các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

Phương án 2: Quy định liệt kê tất cả các khái niệm, thuật ngữ được đề cập trong tất cả các luật có liên quan đến lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Ưu điểm:

Các khái niệm, thuật ngữ trong các luật khác sẽ được liệt kê đầy đủ trong Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, cơ quan quản lý, tổ chức đánh giá sự phù hợp không còn lúng túng trong việc áp dụng, thực thi các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

Nhược điểm:

Dự thảo Luật sẽ có rất nhiều khái niệm (thử nghiệm, kiểm nghiệm thuốc, kiểm nghiệm thuốc thú y, kiểm nghiệm thực phẩm, kiểm thử...) của tất cả các luật chuyên ngành. Như vậy, sẽ không thống nhất, hài hoà với các thuật ngữ, khái niệm quy định trong Hiệp định WTO/TBT, các Hiệp định Thương mại tự do (FTA), tiêu chuẩn quốc tế (ISO, IEC, ITU) đã được WTO công nhận; có thể dẫn đến hiểu nhầm, hiểu sai trong giao dịch, hội nhập quốc tế về lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

2. Về chủ thể xây dựng tiêu chuẩn cơ sở (TCCS)

Dự thảo Luật quy định cơ quan quản lý nhà nước không được xây dựng tiêu chuẩn cơ sở (chỉ được áp dụng trong phạm vi tổ chức đó), định hướng các cơ quan quản lý nhà nước tập trung xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật (QCVN, QCDP) để thực hiện chức năng quản lý nhà nước. Tuy nhiên, một số bộ (Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng...) có ý kiến nên giữ nguyên như quy định cũ là cơ quan quản lý nhà nước được xây dựng và áp dụng TCCS.

Phương án 1: Cơ quan quản lý nhà nước không được xây dựng TCCS.

- Ưu điểm:

Phù hợp với thông lệ quốc tế về áp dụng tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) được áp dụng trong phạm vi của tổ chức xây dựng, công bố tiêu chuẩn cơ sở. Các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước trên phạm vi toàn quốc gia phải xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật, thực hiện đúng vai trò, chức năng quản lý nhà nước; việc các cơ quan quản lý nhà nước sử dụng ngân sách nhà nước để xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và áp dụng cho tất cả các đối tượng doanh nghiệp, tổ chức bên ngoài là không phù hợp và trái với mục tiêu, bản chất của tiêu chuẩn cơ sở và chỉ áp dụng trong phạm vi của cơ sở đó.

- Nhược điểm:

Hiện nay, một số bộ ngành đã xây dựng TCCS và được ban hành (dưới dạng Quyết định của Bộ trưởng) để áp dụng rộng rãi bên ngoài (áp dụng cho cả cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân). Do vậy, sau khi ban hành Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, các Quyết định trên sẽ bị hết hiệu lực, và phải chuyển đổi, nâng cấp thành TCVN hoặc QCVN .

Phương án 2: Giữ nguyên như quy định Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006 là cơ quan quản lý nhà nước được xây dựng và áp dụng TCCS

- Ưu điểm:

Các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện xây dựng, áp dụng TCCS với thời gian nhanh hơn so với xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật.

- Nhược điểm:

Các tổ chức quốc tế, các quốc gia khác có thể có ý kiến đối với việc xây dựng và áp dụng TCCS của các cơ quan nhà nước Việt Nam. Vì theo quy định của Hiệp định WTO và các Hiệp định FTA (CPTPP, EVFTA, RCEP), việc xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn phải đảm bảo thực hiện nguyên tắc minh bạch hoá (lấy ý kiến rộng rãi; các tổ chức quốc tế có thể tham gia góp ý kiến cho tiêu chuẩn, tuân thủ quy trình xây dựng, thẩm định nghiêm ngặt nhằm đảm bảo tính khách quan, sự đồng thuận của các bên liên quan...). Trong khi đó, hiện nay, quy trình xây dựng TCCS khá mở, (đặc biệt, là các TCCS được ban hành trong Quyết định để áp dụng bắt buộc) chưa thực hiện quy trình lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức trong và ngoài nước, chưa quy định chặt chẽ về công tác thẩm định nội dung nhằm đảm bảo tính khách quan, đồng thuận của các bên liên quan, đối tượng chịu sự tác động.

Trình tự xây dựng, công bố tiêu chuẩn cơ sở không chặt chẽ như trình tự xây dựng, công bố tiêu chuẩn quốc gia do phạm vi áp dụng chỉ trong cơ sở đó, đồng thời đề cao tính tự chịu trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở và phạm vi áp dụng của tiêu chuẩn cơ sở chỉ trong tổ chức xây dựng, công bố tiêu chuẩn (ví dụ, tổ chức xây dựng tiêu chuẩn cơ sở tự thẩm tra tiêu chuẩn theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 14 Thông tư số 11/2021/TT-BKHCN ngày 18/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn). Do vậy, nhìn chung thì chất lượng của TCCS sẽ không cao như tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật nên để đảm bảo hiệu quả quản lý nhà nước, các cơ quan nhà nước cần phải xây dựng công bố tiêu chuẩn quốc gia, ban hành quy chuẩn kỹ thuật.

3. Về quy định loại hình tổ chức đánh giá sự phù

Dự thảo Luật sửa quy định “Đơn vị sự nghiệp hoạt động dịch vụ kỹ thuật” thành “Tổ chức khoa học và công nghệ” để phù hợp với quy định về tổ chức của Luật Khoa học và Công nghệ. Tuy nhiên, một số bộ (Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công Thương...) có ý kiến nên giữ nguyên như quy định cũ là “Đơn vị sự nghiệp hoạt động dịch vụ kỹ thuật”.

Phương án 1: Sửa “Đơn vị sự nghiệp hoạt động dịch vụ kỹ thuật” thành “Tổ chức khoa học và công nghệ”.

- Ưu điểm:

Hiện nay, hoạt động của tổ chức đánh giá sự phù hợp được quy định tại 04 Luật gồm: Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá và Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Đầu tư năm 2020, cụ thể:

Mục 188 Phụ lục IV Luật Đầu tư năm 2020 quy định kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp quy định chi tiết các điều kiện này.

Khoản 10 và Khoản 11 Điều 3 Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 quy định Dịch vụ khoa học và công nghệ gồm: hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, an toàn bức xạ, hạt nhân... và Tổ chức khoa học và công nghệ là tổ chức có chức năng chủ yếu là nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ, được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật.

Mặt khác, qua rà soát, hiện nay không có quy định pháp luật nào quy định đối tượng là “Đơn vị sự nghiệp hoạt động dịch vụ kỹ thuật”

Như vậy, chỉ có Luật Khoa học và Công nghệ quy định cụ thể về tổ chức, hoạt động đánh giá sự phù hợp (tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa).

Do vậy, việc sửa đổi quy định trên sẽ đảm bảo cơ sở pháp lý cho các loại hình tổ chức đánh giá sự phù hợp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Nhược điểm:

Theo quy định tại Điều 11 Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 các Tổ chức khoa học và công nghệ phải đáp ứng điều kiện thành lập, đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ. Do vậy, theo quy định như dự thảo Luật, các đơn vị sự nghiệp hoạt động dịch vụ kỹ thuật phải thực hiện chuyển đổi hoạt động sang loại hình tổ chức khoa học và công nghệ.

Phương án 2: Giữ nguyên như Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006, theo đó, tổ chức đánh giá sự phù hợp bao gồm đơn vị sự nghiệp hoạt động dịch vụ kỹ thuật; đồng thời bổ sung điều khoản chuyển tiếp để các đơn vị sự nghiệp hoạt động dịch vụ kỹ thuật có thời gian chuyển đổi hình thức hoạt động.

- Ưu điểm:

Các đơn vị sự nghiệp hoạt động dịch vụ kỹ thuật duy trì hiện trạng hoạt động, có thời gian để chuẩn bị thực hiện chuyển đổi hoạt động sang tổ chức khoa học và công nghệ.

- Nhược điểm:

Quy định không thống nhất giữa Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá và Luật Khoa học và Công nghệ, có thể gây lúng túng cho các cơ quan quản lý, tổ chức đánh giá sự phù hợp trong việc thực hiện đăng ký hoạt động.

Trên đây là Tờ trình Chính phủ về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Tài liệu xin gửi kèm theo gồm:

(i) Dự thảo Luật; (ii) Báo cáo kết quả rà soát Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; (iii) Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý và bản chụp các công văn góp ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức; (iv) Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; (v) Bảng so sánh giữa Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006 với dự thảo Luật; (vi) Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự án Luật; (vii) Báo cáo số 11/BCTĐ-BTP ngày 09/01/2024 của Bộ Tư pháp thẩm định dự án Luật; (viii) Nghị quyết số 159/NQ-CP ngày 12/12/2022 của Chính phủ Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 11 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, TĐC.

BỘ TRƯỞNG

Huỳnh Thành Đạt